



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: / QĐ - VPCNCL ngày tháng 03 năm 2024
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kiểm soát Chất lượng**

Laboratory: **Quality Control Department**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Nhà máy Sữa đậu nành VINASOY Bình Dương**
Chi nhánh Công ty CP Đường Quảng Ngãi

Organization: **Vinasoy Binh Duong Soya Products Factory**
Branch of Quang Ngai Sugar Joint Stock Company

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, Sinh**

Field of testing: **Chemical, Biological**

Người quản lý: **Ngô Thị Thu Hà**

Laboratory manager:

Số hiệu/ Code: **VILAS 1527**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **Kể từ ngày /03/2024 đến ngày /03/2027**

Địa chỉ/ Address: **Số 15 đường 31, KCN VSIP IIA, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Địa điểm/Location: **Số 15 đường 31, KCN VSIP IIA, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Điện thoại/ Tel: **(+84) 274 222 1919** Fax: **(+84) 274 222 1920**

E-mail: **info@vinasoy.com** Website: **https://vinasoy.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1527****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Sữa đậu nành Soy milk	Xác định hàm lượng chất rắn hòa tan Phương pháp đo chỉ số khúc xạ <i>Determination of dry matter content</i> <i>Refractive index method</i>	8 ~ 15	QMPPHL11 (2023) (Ref. TCVN 10375:2014)
2.		Xác định pH <i>Determination of pH</i>	3 ~ 8	QMPPHL12 (2023) (Ref. TCVN 7806:2007)
3.		Xác định hàm lượng đường tổng số Phương pháp Bertrand <i>Determination of total sugar</i> <i>Bertrand method</i>	(5,5 ~ 12) g/100mL	TCVN 4594:1988
4.		Xác định hàm lượng Nito Phương pháp Kjeldahl <i>Determination of the nitrogen content</i> <i>Kjeldahl method</i>	(10 ~ 25) g/100g	TCVN 8125:2015

Ghi chú/Note:

- QMPPHL...: Phương pháp do phòng thử nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Phòng Kiểm soát Chất lượng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Phòng Kiểm soát Chất lượng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Quality Control Department that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1527****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Sữa đậu nành <i>Soy milk</i>	Định lượng tổng vi sinh vật Phương pháp đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C bằng kỹ thuật đổ đĩa <i>Enumeration of total microorganisms Colony count at 30⁰C by the pour plate technique</i>		TCVN 4884-1:2015

Ghi chú/ Note:

Trường hợp Phòng Kiểm soát Chất lượng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Phòng Kiểm soát Chất lượng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Quality Control Department that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

